

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 22/4/2019

**V/v: “Tranh chấp dân sự về
Hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô

Ông Nguyễn Lê Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2018/TLST-DS ngày 12/9/2018, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 05/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-DS ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở chính: XXX, PĐL, P3, Q.PN, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Hữu H - sinh năm 1977 (có mặt).

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bình Thuận.

Địa chỉ: XA-XB-XC, TĐT, P.XA, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Từ Song T1 – sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: KP13, P.PT, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Ngày 31/3/2014 và ngày 02/4/2014, Ngân hàng A với ông Từ Song T1 ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng A theo hình thức miễn bảo đảm tín dụng (tín chấp) và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng A, hạn mức tín dụng tối đa là 25.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 18%/năm, thời hạn vay từ ngày 17/4/2014 đến ngày 30/4/2017, mục đích vay là tiêu dùng.

Quá trình sử dụng, chủ thẻ là ông T1 đã dùng thẻ để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 08/3/2017, Ngân hàng A chuyển T1 bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/8/2018, ông T1 còn nợ số tiền cụ thể: nợ gốc là 24.641.400 đồng, nợ lãi trong hạn là 12.041.555 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.490.112 đồng, phí phạt chậm thanh toán là 58.771.732 đồng.

Tổng số tiền ông T1 còn nợ ngân hàng tính đến ngày 14/8/2018 là 132.884.798 đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành thủ tục triệu tập ông Từ Song T1 đến Toà để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và dự phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản hồi lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với ông T1, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn T1 tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và việc tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bị đơn là ông Từ Song T1 trả số tiền nợ thẻ còn thiếu, có cơ sở xác định quan

hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn Từ Song T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tp Phan Thiết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp Phan Thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Từ Song T1 đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng (thẻ chính) của Ngân hàng A ngày 31/3/2014 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng A ngày 02/4/2014 thì chủ thẻ ông Từ Song T1 cam kết sử dụng thẻ theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng với Ngân hàng, chịu trách nhiệm thanh toán số tiền tối thiểu theo sao kê thẻ tín dụng được lập hàng tháng và số dư cho tất cả các giao dịch đã thực hiện theo quy định tại hợp đồng này. Theo đó ông T1 phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc và các khoản lãi, phí nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Căn cứ bản sao sao kê do Ngân hàng cung cấp, thể hiện chủ thẻ ông T1 đã sử dụng thẻ tín dụng nói trên để rút tiền mặt, thanh toán tiền mua hàng hóa và các khoản phí phát sinh tính từ ngày Ngân hàng phát hành thẻ 17/4/2014 với số tiền nợ gốc là 24.641.400 đồng. Như vậy, việc ông T1 không thanh toán số tiền nợ gốc là đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T1 phải thanh toán số tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Quyết định của Ngân hàng A thì lãi suất được áp dụng cho chủ thẻ Visa là 18.00%/năm, Từ ngày 08/3/2017 chuyển sang lãi suất quá hạn là 27.00%/năm. Căn cứ quy định tại mục 4.2 Điều 4 của bản Điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của Ngân hàng A thì *“lãi suất cho vay được áp dụng theo Biểu lãi suất Thẻ Tín dụng do ngân hàng quy định tùy từng thời điểm”*.

Việc áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng A có thay đổi theo từng thời điểm và việc thay đổi mức lãi suất có lúc lớn hơn mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nhưng do chủ thẻ ông Từ Song T1 đã đồng ý và ký kết hợp đồng nên phải chịu theo thỏa thuận. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng giữa Ngân hàng A và ông T1 ký năm 2014 (trước

thời điểm 01/01/2017) nên không bị điều chỉnh bởi Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó ông Từ Song T1 phải chịu số tiền lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 và phí, với số tiền cụ thể: nợ lãi 67.489.716đ, phí phạt chậm thanh toán là 58.771.732 đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận T1 bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Từ Song T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 150.842.848đ (một trăm năm mươi triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng), bao gồm nợ gốc 24.641.400đ, nợ lãi 67.489.716đ, phí phạt chậm thanh toán là 58.771.732 đồng.

Đối với khoản tiền nợ gốc 24.641.400đ, tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 23/4/2019 cho đến khi ông Từ Song T1 thanh toán xong nợ gốc, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A ngày 31/3/2014 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng A ngày 02/4/2014 của Ngân hàng A, được ký kết giữa ông T1 và Ngân hàng A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền lãi 67.489.716đ và phí phạt chậm thanh toán là 58.771.732đ thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. (Trường hợp các bên thỏa thuận được lãi chậm trả thì mức thỏa thuận không quá 20%/1 năm, trường hợp các bên không thỏa thuận thì xác định lãi chậm trả là 10%/1 năm).

2. Ông Từ Song T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.542.142đ (bảy triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.322.000đ, theo biên lai thu tiền số 0023584 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (22/4/2019), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết.
- Chi cục THADS tp Phan Thiết
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THÁI BÌNH